

Bản án số: 44/2024/DS-PT
Ngày: 19/7/2024
“Tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn bản
công chứng vô hiệu”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dũng

Các Thẩm phán: Ông Trần Mười

Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024, về việc “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 30/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 74/2024/QĐ-PT ngày 27/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2024/QĐ-PT ngày 21/6/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1969; địa chỉ: Số A, đường Đ, Tổ G, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Phạm P, sinh năm 1948 và bà Trương Thị R, sinh năm 1951; cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm P1, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn N, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.2. Ông Phạm Viết Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn N, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.3. Văn phòng C; địa chỉ: Số B, đường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Ngô Văn H1** – Trưởng Văn phòng.

4. Người kháng cáo: Ông **Phạm Viết Đ**, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 29/5/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Bích H** trình bày:

Ngày 19/5/2020, bà và ông **Phạm P**, bà **Trương Thị R** có thỏa thuận về việc ông **P**, bà **R** chuyển nhượng cho bà quyền sử dụng thửa đất số 71, tờ bản đồ số 10, **xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi** (sau đây viết là thửa 71) với giá 410.000.000 đồng, bà đặt cọc cho ông **P**, bà **R** 110.000.000 đồng. Sau khi nhận cọc, ông **P**, bà **R** không thực hiện việc chuyển nhượng nên bà đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết tại Bản án số 62/DS-ST ngày 27/12/2021, theo đó buộc ông **P**, bà **R** phải trả cho bà số tiền 330.000.000 đồng và tiền lãi chậm thi hành án. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bà làm đơn yêu cầu thi hành án. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi đã thụ lý và ra quyết định thi hành án. Quá trình tổ chức thi hành án, Chấp hành viên đã tiến hành xác minh điều kiện thi hành án và thông báo cho bà biết ông **P**, bà **R** đã chuyển nhượng toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất của mình cho người khác; hiện ông **P**, bà **R** không còn bất kỳ tài sản gì để bảo đảm thi hành án. Qua tìm hiểu, bà được biết ông **P**, bà **R** có nhiều thửa đất, trong đó có các thửa đất được tặng cho sau thời điểm phát sinh tranh chấp giữa bà và ông **P**, bà **R** về hợp đồng tiền đặt cọc. Ông **P**, bà **R** biết về nghĩa vụ phải trả tiền cho bà nhưng vẫn tặng cho quyền sử dụng đất là nhằm mục đích tẩu tán tài sản để trốn tránh nghĩa vụ trả tiền cho bà.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông **P**, bà **R** và ông **Phạm P1** được **Văn phòng C** chứng thực số 00521, quyền số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/01/2022 đối với thửa đất số 420, tờ bản đồ số 10, **xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi** (sau đây viết là thửa 420) vô hiệu.

- Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông **P**, bà **R** và ông **Phạm Viết Đ** được **Văn phòng C** chứng thực số 05829, quyền số 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/5/2021 đối với thửa đất số 353, tờ bản đồ số 10, **xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi** (sau đây viết là thửa 353) vô hiệu.

- Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông **P**, bà **R** và ông **Phạm Viết Đ** được **Văn phòng C** chứng thực số 05830, quyền số 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/5/2021 đối với thửa đất số 1412, tờ bản đồ số 10, **xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi** (sau đây viết là thửa 1412) vô hiệu.

* *Tại văn bản ngày 30/6/2023, bị đơn ông Phạm P, bà Trương Thị R trình bày:*

Liên quan đến tranh chấp giữa ông P, bà R và bà Nguyễn Thị Bích H có liên quan đến việc thi hành án và đang được Chi cục THA giải quyết, ông P, bà R thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất được pháp luật hướng dẫn xử lý theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm P1 có văn bản trình bày:*

Tại thời điểm ông nhận nhượng quyền sử dụng đất từ cha mẹ của ông (ông P, bà R) không có bản án, quyết định có hiệu lực, hoặc yêu cầu nào của cơ quan, người có thẩm quyền buộc ông P, bà R có nghĩa vụ trả nợ cho bà H, nên việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông P, bà R cho ông là đúng quy định của pháp luật.

Liên quan đến việc thi hành án và đang được Chi cục THA giải quyết, ông P, bà R thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất được pháp luật hướng dẫn xử lý theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Viết Đ có văn bản trình bày:*

Liên quan đến việc thi hành án và đang được Chi cục THA giải quyết, ông P, bà R thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất được pháp luật hướng dẫn xử lý theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Ngô Văn H1 trình bày:*

Việc ông P, bà R và các ông Phạm P1, Phạm Viết Đ tự nguyện đến Văn phòng Công chứng Ngô Văn H1 để làm thủ tục và ký kết 03 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 00521, quyền số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/01/2022; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 05829, quyền số 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/5/2021; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 05830, quyền số 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/5/2021); Văn phòng C công chứng các hợp đồng nêu trên hoàn toàn đúng theo trình tự, thủ tục công chứng theo quy định của pháp luật

* *Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 30/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích H về việc “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

2. Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phạm P, bà Trương Thị R và ông Phạm P1 được Văn phòng C chứng thực số 00521, quyền

số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/01/2022 đối với thửa đất số 420, tờ bản đồ số 10, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vô hiệu.

Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phạm P, bà Trương Thị R và ông Phạm Viết Đ được Văn phòng C chứng thực số 05829, quyền số 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/5/2021 đối với thửa đất số 353, tờ bản đồ số 10, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vô hiệu.

Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa Phạm P, bà Trương Thị R và ông Phạm Viết Đ được Văn phòng C chứng thực số 05830, quyền số 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/5/2021 đối với thửa đất số 1412, tờ bản đồ số 10, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vô hiệu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/02/2024, ông Phạm Viết Đ có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu:

- Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phạm P, bà Trương Thị R và ông Phạm Viết Đ được Văn phòng C chứng thực số 05829, quyền số 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/5/2021 đối với thửa đất số 353, tờ bản đồ số 10, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vô hiệu.

- Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa Phạm P, bà Trương Thị R và ông Phạm Viết Đ được Văn phòng C chứng thực số 05830, quyền số 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/5/2021 đối với thửa đất số 1412, tờ bản đồ số 10, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vô hiệu.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử vụ án.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Viết Đ, Văn phòng công chứng Ngô Văn H1 tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Phước k thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (vắng mặt nhiều lần tại phiên tòa không có lý do).

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Phạm Viết Đ; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 30/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 30/01/2024, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử và tuyên án. Ngày 06/02/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Phạm Viết Đ** có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm nêu trên. Về thời hạn kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, đơn kháng cáo của ông **Đ** là hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn ông **Phạm P**, bà **Trương Thị R**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông **Phạm P1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt; người đại diện hợp pháp của Văn phòng Công chứng **Ngô Văn H1** vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo bà **H** trình bày và nội dung tại Bản án số 62/2021/DS-ST ngày 27/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thể hiện: Giữa bà **H** và vợ chồng ông **Phạm P**, bà **Trương Thị R** thỏa thuận đặt cọc để chuyển nhượng thửa đất số 71, tờ bản đồ số 10, xã **T**, thành phố **Q** theo “*Giấy nhận tiền đặt cọc bán đất*” ngày 19/5/2020. Sau đó, ông **P**, bà **R** đã không thực hiện chuyển nhượng đất cho bà **H** theo nội dung giấy đặt cọc. Ngày 22/10/2020, ông **P**, bà **R** đã chuyển nhượng thửa 71 nêu trên cho bà **Nguyễn Thị Đ1**.

Theo Biên bản hòa giải ngày 19/11/2020 tại **UBND xã T**, ông **P** thừa nhận có thỏa thuận mua bán thửa đất số 71, tờ bản đồ số 10, xã **T** với bà **H**, số tiền 410.000.000 đồng, ông đã nhận tiền đặt cọc của bà **H** số tiền 110.000.000 đồng, số tiền còn lại khi làm hợp đồng xong, bà **H** phải giao đủ. Các bên thống nhất đến ngày 26/11/2020, giữa ông **P** và bà **H** sẽ làm hợp đồng và giao nhận số tiền còn lại. Tuy nhiên, ông **P**, bà **R** không thực hiện đúng cam kết nêu trên. Do đó, tại Bản án số 62/2021/DS-ST ngày 27/12/2021 đã buộc ông **P**, bà **R** có nghĩa vụ trả cho bà **H** số tiền 330.000.000 đồng và tiền lãi chậm thi hành án.

[2.2] Theo công văn số 623/CNTPQN ngày 26/4/2022 và công văn số 2330/CNTPQN ngày 05/9/2023 của **Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Q** cung cấp thông tin thể hiện: Ông **P**, bà **R** có các quyền sử dụng đất gồm: các thửa 50, 179, 126, cùng tờ bản đồ số 9; các thửa 1304, 1305, 1418, cùng tờ bản đồ số 5, cùng địa chỉ xã **T**, thành phố **Q**, tỉnh **Quảng Ngãi** được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **P**. Quá trình quản lý, sử dụng đất, các thửa đất trên biến động, cụ thể: Thửa 1418 biến động thành thửa 71, tờ bản đồ số 10; thửa 50 biến động (ông **P** làm thủ tục tách thửa) thành các thửa 988, 989, 990, 991, 992, 993, 994, cùng tờ bản đồ số 09; thửa 1304 biến động thành thửa 390, tờ bản đồ số 24; thửa 1315 biến động thành thửa 356, tờ bản đồ số 24; thửa 179 biến động thành thửa 420, tờ bản đồ số 10; thửa 988 biến động thành thửa 353 và 1412, tờ bản đồ số 10, xã **T**.

[2.3] Tuy nhiên, tại Biên bản xác minh điều kiện thi hành án ngày 16/11/2022, Biên bản xác minh điều kiện thi hành án ngày 25/5/2023 và Thông báo số 2491/TB-CCTHADS ngày 25/11/2022 của Chi cục THA dân sự thành phố Q thì các thửa đất nêu trên ông P, bà R đã chuyển nhượng, tặng cho người khác. Trong đó, tặng cho thửa đất số 353 và 1412, cùng tờ bản đồ số 10, xã T cho ông Phạm Viết Đ, theo các Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C chứng thực số 05829, 05830 quyền số 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày 14/5/2021; tặng cho thửa đất số 420, tờ bản đồ số 10, xã T cho ông Phạm P1, được Văn phòng C chứng thực số 00521, quyền số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/01/2022. Hiện nay chưa xác định ông P, bà R còn tài sản nào khác để đảm bảo thi hành án theo yêu cầu của bà H.

[2.4] Việc ông P, bà R chuyển nhượng, tặng cho đất ông Phạm Viết Đ (ngày 14/5/2021) được thực hiện trước khi Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi ban hành Bản án số 62/2021/DS-ST ngày 27/12/2021. Tuy nhiên, từ sau ngày 22/10/2020 (ngày ông P, bà R vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận theo giấy đặt cọc) và ngày 19/11/2020, thời điểm UBND xã T hòa giải tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng đất giữa ông P, bà R và bà H thì ông P, bà R biết hoặc buộc phải biết mình có nghĩa vụ đối với bà H nhưng ông P, bà R không thực hiện nghĩa vụ đối với bà H. Như vậy, việc ông P, bà R chuyển nhượng tặng cho đất cho các con trong khi không còn tài sản nào khác để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ cho bà H là hành vi tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ với bên thứ ba nên bị vô hiệu theo quy định tại các Điều 117, 123, 124 Bộ luật dân sự 2015. Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ cũng thừa nhận hiện nay cha mẹ ông không còn tài sản nào khác để thi hành án cho bà H theo bản án trên.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phạm P, bà Trương Thị R và ông Phạm Viết Đ đối với thửa đất số 353 và thửa đất 1412, cùng tờ bản đồ số 10, xã T, được Văn phòng C chứng thực số 05829, 05830, quyền số 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày 14/5/2021 vô hiệu là có cơ sở, đúng pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, ông Đường k1 cung cấp được chứng cứ, tài liệu nào khác để chứng minh yêu cầu kháng cáo là có căn cứ và hợp pháp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đ.

[3] Do không chấp nhận kháng cáo, nên ông Phạm Viết Đ phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0001579 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của ông **Phạm Viết Đ**, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 30/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Áp dụng các Điều 3, 117, 123, 124, 407 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Bích H** về việc “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*”.

- Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông **Phạm P**, bà **Trương Thị R** và ông **Phạm P1** được **Văn phòng C** chứng thực số 00521, quyền số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/01/2022 đối với thửa đất số 420, tờ bản đồ số 10, **xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi** vô hiệu.

- Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông **Phạm P**, bà **Trương Thị R** và ông **Phạm Viết Đ** được **Văn phòng C** chứng thực số 05829, quyền số 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/5/2021 đối với thửa đất số 353, tờ bản đồ số 10, **xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi** vô hiệu.

- Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa **Phạm P**, bà **Trương Thị R** và ông **Phạm Viết Đ** được **Văn phòng C** chứng thực số 05830, quyền số 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/5/2021 đối với thửa đất số 1412, tờ bản đồ số 10, **xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi** vô hiệu.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ông **Phạm P**, bà **Trương Thị R** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

- Hoàn trả cho bà **Nguyễn Thị Bích H** 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006165 ngày 13/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông **Phạm Viết Đ** phải chịu số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông **Đ** đã nộp (do ông **Phạm P** nộp thay) theo biên lai thu số 0001579 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Dũng